

Điều kiện của đoàn kết xã hội ở Việt Nam hiện nay

Nguyễn Tài Đông *

Tóm tắt: Đoàn kết xã hội là một yêu cầu cơ bản cho sự ổn định và phát triển của các quốc gia dân tộc. Ở mỗi quốc gia, trong các giai đoạn lịch sử nhất định đều tồn tại những loại hình đoàn kết xã hội khác nhau. Và với mỗi loại hình lại có những cách hiểu khác nhau về các điều kiện của đoàn kết xã hội. Đoàn kết xã hội là một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam, được giữ gìn và liên tục bồi đắp trong những năm qua. Việc tìm hiểu các điều kiện của đoàn kết xã hội, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay là một việc làm cần thiết.

Từ khóa: Đoàn kết; đoàn kết xã hội; điều kiện của đoàn kết xã hội; Việt Nam.

1. Các cách tiếp cận khác nhau về điều kiện của đoàn kết xã hội

Một trong những học giả đầu tiên bàn luận về đoàn kết xã hội (Social solidarity) là nhà xã hội học người Pháp, Durkheim (1858 - 1917). Theo Durkheim, xã hội tồn tại dựa trên sự đồng lòng nhất trí giữa các thành viên trong xã hội. Trong tác phẩm “Sự phân công lao động trong xã hội”, ông chia đoàn kết xã hội thành 2 loại là đoàn kết cơ giới (Mechanical Solidarity) và đoàn kết hữu cơ (Organic Solidarity). Đoàn kết cơ giới là đoàn kết xã hội dựa trên đức tin hay niềm tin cộng đồng phổ biến, tùy thuộc vào truyền thống. Còn đoàn kết hữu cơ là sự phụ thuộc xã hội lẫn nhau dựa trên các vai trò đã chuyên môn hoá ở trình độ cao⁽¹⁾. Các tác phẩm của Durkheim được viết vào cuối thế kỷ XIX, thời kỳ nhân loại chứng kiến xã hội thay đổi một cách mãnh liệt cùng với sự thức tỉnh của cách mạng công nghiệp. Tình trạng vô tổ chức, thiếu tiêu chuẩn đạo đức được Durkheim miêu tả một cách đơn giản bằng từ “vô nguyên tắc” tự thân đoàn kết xã hội bị phá huỷ ở một trình độ nhất định, những liên kết nền tảng bị gỡ bỏ. Durkheim cho rằng, điều đó đã gắn các cá nhân lại với nhau trong một trật tự xã hội

mà mỗi người bị bắt buộc cô đơn trong chính trật tự đó.

Theo quan điểm của Durkheim, khi các chức năng xã hội ngày càng phân hoá cao thì đoàn kết xã hội phải dựa trên những điều kiện của điều tiết xã hội. Điều tiết xã hội là để cái tôi nguyên thủy ngày càng nhân tính hoá, để cuộc sống là sự chia sẻ với những người khác trên nền tảng của một nền luân lý chung⁽²⁾. Durkheim không hoàn toàn đồng ý với Karl Marx trong “Bản thảo Kinh tế và Triết học năm 1844” khi ông cho rằng nền tảng kinh tế quyết định các vấn đề xã hội, trong đó có đoàn kết xã hội. Theo Durkheim, so với trật tự kinh tế

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0983898068. Email: ntaidong@yahoo.com. Bài viết trong khuôn khổ Đề tài cấp Nhà nước “Thực hành dân chủ trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền, xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” thuộc Chương trình KX.04/11 - 15.

(1) Tommaso Pavone (2013), “Durkheimian Judges: The Clashing Social Prescriptions in the US Supreme Court’s *Gobitis* and *Barnette* Cases”, Department of Politics, Princeton University November 21st, pp.4.

(2) Walter C. Reckless (2006), “Society as Insulation - The Origins of Control Theory”, *Criminological*, pp.82.

thì trật tự đạo đức quan trọng hơn, đóng vai trò nền tảng hơn. Đối với Durkheim, ý tưởng về đoàn kết xã hội dường như là một tôn giáo. Ông viết: “Mọi cội nguồn của đoàn kết đều là luân lý, mọi điều bắt con người phải quan tâm đến người khác đều là luân lý, mọi điều buộc một người phải điều chỉnh tư cách của mình hơn là cố gắng thể hiện bản ngã đều là luân lý, và đạo đức vững chắc như là vô vàn sợi dây cuốn lấy một cách mạnh mẽ”⁽³⁾. Ở Durkheim, đạo đức có thể coi là nền tảng, là điều kiện tiên quyết của đoàn kết xã hội.

Ngoài Durkheim thì có rất nhiều học giả khác đã nêu lên những quan điểm khác nhau về các điều kiện của đoàn kết xã hội. Theo các học giả này thì có kết xã hội, đồng thuận xã hội và đoàn kết xã hội dựa trên các điều kiện nền tảng sau: *thứ nhất*, các giá trị chung, *thứ hai* các quy tắc chung, và *thứ ba* các khế ước chung trong một cộng đồng dân tộc⁽⁴⁾. Hoặc có những người khác quan niệm đoàn kết xã hội phải dựa trên các điều kiện: *thứ nhất* là, công lý, *thứ hai* là tự do; *thứ ba* là bình đẳng và *thứ tư* phù hợp với luật pháp⁽⁵⁾. Đứng từ góc độ quản lý xã hội để nhìn nhận đoàn kết xã hội, có học giả chia điều kiện của đoàn kết xã hội thành 2 phần: một nền văn hóa dân tộc chung và tuyên truyền với tư cách là giáo dục. Điều kiện thứ nhất là quần chúng nhân dân chia sẻ với nhau niềm tin của họ, ở đó đoàn kết xã hội được nảy nở trong cùng một nền văn hóa dân gian, cùng một tôn giáo hay cùng một giai tầng. Còn điều kiện thứ hai là xuất phát từ sự phụ thuộc chính trị⁽⁶⁾.

Không có một khuôn mẫu cố định duy nhất cho các điều kiện của đoàn kết xã hội. Ở mỗi quốc gia, trong những giai đoạn lịch sử nhất định, đoàn kết xã hội phải dựa trên các điều kiện cơ bản khác nhau.

2. Nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò của đoàn kết xã hội

Đoàn kết là truyền thống quý báu của

dân tộc Việt Nam, là sức mạnh của cả dân tộc trong quá trình dựng nước và giữ nước. Sức mạnh nhân dân và khối đại đoàn kết dân tộc gắn liền với nhau. Có đoàn kết là có sức mạnh và chỉ có sức mạnh khi có đoàn kết. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói về vai trò của đoàn kết: “Đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, nhân dân ta đã làm Cách mạng tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đoàn kết trong Mặt trận Liên Việt, nhân dân ta đã kháng chiến thắng lợi, lập lại hoà bình ở Đông Dương, hoàn toàn giải phóng miền Bắc. Đoàn kết trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhân dân ta đã giành được thắng lợi trong công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc”⁽⁷⁾. Trong một tổ chức tập hợp người dân yêu nước thì đoàn kết là yếu tố quyết định thành công và sức mạnh của tổ chức đó.

Năm 1942, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc đến mối quan hệ đặc biệt chặt chẽ giữa đoàn kết và độc lập trong tác phẩm “Nên học sử ta”: “Sử ta dạy cho ta bài học này: lúc nào nhân dân ta đoàn kết muôn người như một thì đất nước ta độc lập tự do. Trái lại, lúc nào nhân dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn. Vậy nay ta phải biết đoàn kết, đoàn kết mau, đoàn kết chắc

⁽³⁾ Trích theo Walter C. Reckless (2006), “Society as Insulation - The Origins of Control Theory”, *Criminological Theory*, pp.81.

⁽⁴⁾ Grace-Edward Galabuzi and Cheryl Teelucksingh (2010), “Social Cohesion, Social Exclusion, Social Capital, Region of Peel”, *Immigration Discussion Paper*, pp.2.

⁽⁵⁾ (2013) “Women's Rights in Yemen - Joint NGO Stakeholder Report for the Universal Periodic”, *Review of Yemen*, pp.1.

⁽⁶⁾ Agnieszka Chmielewska (2014), “Nation - State - Identity. Differences in Understanding between the Old and the New Member States of the European Union”, *Yearbook of Polish European Studies*, pp.35.

⁽⁷⁾ Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, t.10, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.604.

chấn thêm lên mãi...”. Chính từ quan niệm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi: “Ta đoàn kết để đấu tranh cho thống nhất và độc lập của Tổ quốc; ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ. Đoàn kết rộng rãi, chặt chẽ, đồng thời phải củng cố; Nền có vững nhà mới chắc chắn, gốc có tốt thì cây mới tốt tươi”⁽⁸⁾. Đoàn kết chính là gốc rễ, là nền móng, là cái căn bản nhất cho sự tồn vong của đất nước nói chung và cho sự nghiệp xây dựng Tổ quốc nói riêng.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI (2011) khẳng định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; xoá bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội”⁽⁹⁾. Trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động và nhiều thử thách trong nước, hơn bao giờ hết, đoàn kết dân tộc là yếu tố hàng đầu đảm bảo sự ổn định và phát triển của Việt Nam hiện nay.

3. Các điều kiện cơ bản của đoàn kết xã hội ở Việt Nam hiện nay

Trên báo *Sự thật* ngày 26 tháng 7 năm 1946, Trường Chinh nêu rõ bốn điều kiện để đoàn kết: *một là*, đoàn kết chân thành vì dân vì nước chứ không đeo mặt nạ cách mạng yêu nước mà phản nước hại dân; *hai là*, hành động chung để đạt mục đích chung; *ba là*, các đảng phái trong mặt trận

có quyền giữ nguyên bản sắc chính trị nhưng phải tuân theo một chương trình tối thiểu chung; *bốn là*, giám thị lẫn nhau và phê bình nhau một cách thân mật⁽¹⁰⁾. Những điều kiện này vẫn còn nguyên giá trị trong thời đại ngày nay. Có nhiều cách tiếp cận để phân loại các điều kiện của đoàn kết xã hội theo. Tuy nhiên chúng tôi, đoàn kết xã hội ở Việt Nam hiện nay phải dựa trên các điều kiện cơ bản sau:

3.1. Một nước Việt Nam độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất của mọi người dân Việt Nam

Đoàn kết xã hội chỉ có được trên nền tảng của một nước độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ. Ngoài ra, mọi người dân Việt Nam phải có ý thức chung về đất nước, mỗi người không chỉ thực hiện nghĩa vụ công dân của mình mà còn phải hướng đến mục đích chung của cả dân tộc. Trong bài viết “Đại đoàn kết dân tộc - cội nguồn sức mạnh của chúng ta” đăng trên báo *Tuổi trẻ* ngày 31 tháng 8 năm 2005, cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã khẳng định nền tảng của sự đoàn kết chính là đất nước Việt Nam độc lập, thống nhất, một đất nước của mọi người Việt Nam: “Đất nước Việt Nam, giang sơn Việt Nam cùng mọi thành quả của nền văn hóa Việt Nam không phải là của riêng ai, của một giai cấp hay đảng phái nào, mà là tài sản chung của mọi người Việt Nam, của cả dân tộc Việt Nam”⁽¹¹⁾. Đây cũng là bài học lớn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc đến.

⁽⁸⁾ Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, t.7, tr.438.

⁽⁹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.48.

⁽¹⁰⁾ *Xây dựng và bảo vệ Chính quyền Nhân dân (9/1945 - 12/1946)*, <http://truongchinhtridienbien.vn/index.php?language=vi&nv=chuyen-mon&op=print/Lich-su-Dang/Xay-dung-va-bao-ve-Chinh-quyen-Nhan-dan-91945-121946-Lich-su-Dang-73>.

⁽¹¹⁾ Võ Văn Kiệt (2005), “Đại đoàn kết dân tộc - cội nguồn sức mạnh của chúng ta”, Báo *Tuổi trẻ*.

Tư tưởng về đoàn kết của Hồ Chí Minh trước hết được xuất phát từ quan niệm về nhân dân của Người. Nhân dân là toàn thể người dân Việt Nam, không phân biệt đẳng cấp, nam nữ, giới tính, tôn giáo, giàu nghèo,... Từ góc nhìn cộng đồng, Hồ Chí Minh quan niệm về nhân dân là “mọi con dân nước Việt”, “mỗi một người con rồng cháu tiên”, “già, trẻ, gái, trai, giàu nghèo, quý tiện”. Từ góc nhìn giai tầng xã hội, Hồ Chí Minh quan niệm: “Nhân dân là: bốn giai cấp công, nông, tiểu tư sản và tư sản dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và của Đảng, các giai cấp ấy đoàn kết lại, bầu ra chính phủ của mình”⁽¹²⁾. Năm 1946, khi thực dân Pháp muốn tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lập tức tuyên bố: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”.

Ý thức đất nước là của chung, mọi người đều chia sẻ trách nhiệm và quyền lợi là một điểm xuất phát cho tinh thần cố kết cộng đồng, đoàn kết xã hội. Đoàn kết xã hội đơn giản là lòng dân cùng một hướng, đó là độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, là dân giàu, nước mạnh, là công bằng, bình đẳng, tự do... Hồ Chí Minh đã nói: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Đất nước độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam là thống nhất, đây là điều kiện tiên quyết cho đoàn kết xã hội. Người dân Việt Nam hiện nay cùng chia sẻ với nhau một truyền thống văn hoá dân tộc đa dạng, một lý tưởng chung và mục đích chung, một quá khứ cùng tự hào, cùng tương lai tươi sáng. Đây là một nền tảng vô cùng thuận lợi cho sự đồng thuận và đoàn kết xã hội.

3.2. Đoàn kết dưới sự lãnh đạo của Đảng và đoàn kết trong Đảng

Đoàn kết là tâm nguyện, là chủ trương chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi thành lập đến nay. Đảng là linh hồn cho sự đoàn kết toàn dân tộc, tổ chức Đảng các cấp là nhân tố đoàn kết, chỉ đạo sự thống nhất trong toàn xã hội. Điều này cũng giải thích mối quan hệ giữa tinh thần đoàn kết và chủ nghĩa yêu nước (mà nhiều nhà cách mạng tiền bối gọi là chủ nghĩa dân tộc). Tinh thần đoàn kết và chủ nghĩa dân tộc là để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người, đúng như Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã viết về chủ nghĩa dân tộc của Hồ Chí Minh: “Chủ nghĩa dân tộc theo Hồ Chí Minh, hoàn toàn không phải là thứ chủ nghĩa dân tộc phong kiến, tư sản hay của Quốc tế II (càng không phải là chủ nghĩa dân tộc cải lương), mà là chủ nghĩa dân tộc chân chính, theo lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin, gắn dân tộc với quốc tế, dân tộc với giai cấp, hướng tới triệt để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người”⁽¹³⁾. Đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng để đảm bảo lợi ích tối cao của dân tộc và quyền lợi cơ bản của nhân dân Việt Nam.

Đảng là đảng của dân tộc, vì vậy Đảng mới là hạt nhân đoàn kết. Trong Đại hội Đảng lần thứ II năm 1951, khi có nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề đại đoàn kết, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định lại về vấn đề này: “Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam”.

Đoàn kết trong Đảng là điều kiện tiên quyết cho đoàn kết xã hội. *Cương lĩnh xây*

⁽¹²⁾ Hồ Chí Minh (2000), *Sđd*, t.7, tr.217.

⁽¹³⁾ Võ Nguyên Giáp (Chủ biên) (2013), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.91.

dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) đã nêu lên những bài học chủ yếu, trong đó có bài học “không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế”. Cương lĩnh khẳng định đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng nước ta. Đây là quan điểm nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam về vấn đề đại đoàn kết dân tộc. Trong Cương lĩnh, vấn đề đoàn kết trong Đảng được đặt lên hàng đầu, chứng tỏ tầm quan trọng đặc biệt của đoàn kết trong toàn Đảng đối với đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết trong nội bộ Đảng cũng là truyền thống quý báu của Đảng Cộng sản Việt Nam. “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”, lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh được toàn Đảng gìn giữ, tuân thủ trong suốt bao năm qua, tạo nên sức mạnh đồng thuận không chỉ cho Đảng mà cho toàn dân tộc, tạo tiền đề quyết định cho mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong Di chúc của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khái quát lại tầm quan trọng và thành tựu đoàn kết của Đảng ngay trong những dòng đầu tiên: “Trước hết nói về Đảng - Nhờ đoàn kết chặt chẽ một lòng, một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc cho nên từ ngày thành lập đến nay Đảng ta đã đoàn kết tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và dân tộc ta”.

Sự đoàn kết trong Đảng dựa trên cơ sở thống nhất về mặt lý tưởng, đó là sứ mệnh của toàn Đảng không gì khác ngoài phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân⁽¹⁴⁾. Ngoài ra còn sự thống nhất trong lĩnh vực tư tưởng, chính

trị, tổ chức, còn cả trong công việc và cả trong đạo đức, tác phong làm việc công tâm, khách quan, cầu tiến của đảng viên⁽¹⁵⁾. Nhiều Văn kiện Đại hội và các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương đã thể hiện tinh thần đặt lợi ích dân tộc và lợi ích của nhân dân lên hàng đầu, coi đó là xuất phát điểm của các chính sách, là cơ sở để xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ mới.

Đoàn kết trong Đảng phải dựa trên cơ sở thống nhất về chế độ chính trị là chịu sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam, thống nhất về tư tưởng là dựa trên chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thống nhất nguyên tắc sinh hoạt Đảng là chế độ tập trung dân chủ, thống nhất sự chỉ đạo về đường lối của Đảng, các nguyên tắc xây dựng tổ chức và hoạt động của Đảng. Những nội dung căn bản của nguyên tắc tập trung dân chủ đã được thể hiện chi tiết trong Điều 9 của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng phải là một đội ngũ có tổ chức đoàn kết, tập trung chặt chẽ, phải thực sự đi đầu và là tấm gương về đoàn kết trước toàn thể xã hội. Với tư cách là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam là hạt nhân của đại đoàn kết dân tộc, ngược lại, đoàn kết trong Đảng cũng là điều kiện tiên quyết cho sức mạnh của cả dân tộc để thực hiện sứ mệnh mà dân tộc và nhân dân giao phó.

(14) Trong lời kết thúc buổi lễ ra mắt Đảng Lao động Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm 8 chữ là: Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc”.

(15) Tham khảo Nguyễn Đức Hạt (2010) (Chủ nhiệm), Báo cáo tổng kết đề tài *Vấn đề phát huy dân chủ và đoàn kết thống nhất trong nội bộ Đảng*, Ban Tổ chức Trung ương Đảng, Hà Nội, tr.46.

3.3. Dân chủ trong xã hội và dân chủ trong Đảng

Dân chủ là một điều kiện tiên quyết cho đoàn kết xã hội ở Việt Nam hiện nay. Văn kiện Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã ghi rõ: “Ở đâu có dân chủ, ở đó có đoàn kết, đồng thuận và phát triển”. Trong Thông điệp đầu năm mới 2014, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cũng nhấn mạnh: “Dân chủ sẽ phát huy khả năng sáng tạo của mỗi người, góp phần xoá bỏ mặc cảm, tăng cường gắn kết xã hội và khối Đại đoàn kết toàn dân tộc”⁽¹⁶⁾. Có dân chủ thì mới có đồng thuận xã hội, trong thời đại ngày nay, yêu cầu này ngày càng bức thiết hơn. Ở đây, cần nói thêm rằng, thời phong kiến ở Việt Nam chưa có chế độ dân chủ, song vẫn có đoàn kết xã hội, bởi vì dân chủ với tư cách là hình thức chính thể hay chế độ chính trị tuy chưa tồn tại, song, tinh thần dân chủ thể hiện ở vai trò quan trọng của người dân, truy cầu quyền lợi và hạnh phúc cho nhân dân đã thấm đẫm trong truyền thống người Việt Nam.

Xã hội dân chủ thì sẽ có sự đoàn kết, đồng thuận và phát triển. Dân chủ trong Đảng phải là tiền đề cho dân chủ của toàn xã hội. Năm 1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thư gửi Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Bắc đã căn dặn: “Muốn có đoàn kết, trong Đảng phải có dân chủ thực sự”. Chúng ta cũng dễ dàng thấy rằng tình trạng mất đoàn kết khá phổ biến ở một số tổ chức Đảng trước tiên là do mất dân chủ. Di chúc của Người cũng nêu rõ: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi thường xuyên và nghiêm chỉnh phê và tự phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”.

Các quyền của đảng viên đã được quy định rõ để thực hiện dân chủ trong Đảng. Điều 3 trong Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng thông qua ngày 19 tháng 01 năm

2011) ghi rõ: “Đảng viên có quyền: 1. Được thông tin và thảo luận các vấn đề về Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; biểu quyết công việc của Đảng. 2. Ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương. 3. Phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời. 4. Trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình”. Dân chủ trong Đảng gắn liền với việc thực sự cầu thị, thường xuyên tiến hành tự phê bình, phê bình, đấu tranh với cái xấu, với sự thoái hóa biến chất trong nội bộ Đảng, đồng thời phải có tinh đồng chí, chân thành, cởi mở, tin cậy giúp đỡ lẫn nhau, thực sự thương yêu nhau trên cơ sở tình cảm cách mạng trong sáng. Đoàn kết phải gắn liền với dân chủ, dân chủ thực sự là điều kiện bảo đảm cho sự đoàn kết vững bền.

3.4. Công bằng xã hội

Công bằng xã hội là một trong các tiền đề của đoàn kết xã hội. Công bằng xã hội không chỉ là thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, giữa thành thị với nông thôn, mà còn công bằng xã hội về kinh tế, về pháp luật.

Từ Nghị quyết Trung ương 8 khoá VI, vai trò của lợi ích đối với việc duy trì và xây dựng đại đoàn kết dân tộc bắt đầu được chú ý hơn: “Động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hoà các lợi ích, thống nhất quyền lợi và nghĩa vụ công dân”. Nếu không điều hòa được lợi ích trong xã hội thì sẽ không thể có đồng thuận xã hội và đoàn kết xã hội.

⁽¹⁶⁾ “Thông điệp đầu năm mới của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng”, Báo *Điện tử* Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hài hòa lợi ích cho mọi thành viên trong cộng đồng, điều hòa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, vấn đề lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc, nhận diện và loại bỏ các nhóm lợi ích đi ngược lại lợi ích xã hội là điều kiện bắt buộc để đảm bảo đoàn kết xã hội. Không giải quyết tốt vấn đề lợi ích thì các hiện tượng bất bình đẳng, bất công, phân hoá giàu nghèo,... sẽ phá hoại nền tảng của đại đoàn kết dân tộc.

3.5. Tinh thần khoan dung

Trong những năm qua ở nước ta, đoàn kết xã hội cũng có một số thời điểm nhất định không được chú ý đúng mức. Cố Thủ tướng Võ Văn Kiệt từng đánh giá: “Rất tiếc là ý thức đoàn kết dân tộc lại một lần nữa bị phần nào xao nhãng bởi bệnh chủ quan và say sưa vì chiến thắng, bởi những cách nhìn hẹp hòi, biệt phái, bởi chuyện phân biệt thắng - thua, bởi những kỳ thị ta - nguy... Tiếp đó, cuộc cải tạo công thương nghiệp tư nhân ở miền Nam và việc hợp tác hóa nông nghiệp một cách rập khuôn, mà sau này Đại hội Đảng lần thứ VI đã rút kinh nghiệm, là vừa đụng chạm tới cả những người đã từng có công đóng góp cho cách mạng, vừa triệt tiêu đi một nguồn lực kinh tế rất quan trọng. Kinh tế khó khăn, đời sống bấp bấp, cộng với những phương thức quản lý xã hội quá cứng nhắc và tình trạng kỳ thị thành phần,... đã làm cho cả một số người yêu nước, muốn đóng góp cho đất nước cũng đành dứt áo ra đi”⁽¹⁷⁾. Nguyên Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình đã nêu lên vấn đề phải hoà hợp và đoàn kết xã hội: “Chúng ta phải thực hiện và thực hiện tốt chính sách hòa hợp dân tộc. Đó cũng là đạo lý của người Việt Nam. Đối với Mỹ, kẻ thù đã gây cho nhân dân ta bao nhiêu đau thương tang tóc, ta đã có thể thực hiện chủ trương “gác lại quá khứ, nhìn về tương lai” thì không có lý do gì mà người trong một nước không thể hòa giải với nhau, thương yêu nhau, đoàn kết với nhau để cùng nhau xây dựng quê

hương của mình”⁽¹⁸⁾. Muốn hoà hợp thì phải khoan dung, phải chấp nhận sự khác biệt, muốn đoàn kết thì mọi người phải đặt lợi ích dân tộc lên trên hết.

Khoan dung chính là không áp đặt cứng nhắc, không cực đoan bài trừ, cũng không dễ dãi chấp nhận những cái xấu từ bên ngoài mà chủ động tiếp thu, vận dụng, sáng tạo, bổ sung những yếu tố hợp lý phù hợp với giá trị Việt Nam để nhận thức và giải quyết vấn đề do thực tiễn đất nước đặt ra, từ đó làm phong phú thêm tư tưởng, lý luận của mình. Hồ Chí Minh nêu một ví dụ: “Sông to, biển rộng, thì bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng nó rộng và sâu. Cái chén nhỏ, cái đĩa cạn, thì một chút nước cũng đầy tràn, vì độ lượng nó hẹp nhỏ”⁽¹⁹⁾.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã nhấn mạnh: “Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân về phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh mới. Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; xoá bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội”⁽²⁰⁾. Khoan dung và đối thoại là một điều kiện quan trọng cho cố kết cộng đồng và đoàn kết xã hội.

⁽¹⁷⁾ Võ Văn Kiệt (2005), “Đại đoàn kết dân tộc - cội nguồn sức mạnh của chúng ta”, Báo *Tuổi trẻ*.

⁽¹⁸⁾ Nguyễn Thị Bình (2012), “Đánh giá về nội các Dương Văn Minh”, Báo *Thanh Niên*.

⁽¹⁹⁾ Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.644.

⁽²⁰⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 239 - 240.

